

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và kế hoạch nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4886/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các xã, thị trấn;

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của HĐND xã Ba Tầng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho xã Ba Tầng.

PHẦN THỨ NHẤT

Báo cáo tình hình thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023

Tình hình thu – chi NSNN xã 6 tháng đầu năm 2023 đã đạt được những kết quả như sau:

I. Thu NSNN: (Đơn vị tính: Đồng)

Nội dung	Dự toán	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng thu	6.474.479.621	3.568.383.621	55%
1. Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên	5.803.272.000	2.901.600.000	50%
2. Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên	456.348.000	456.348.000	100%
3. Thu kinh phí chuyển nguồn khác từ năm 2022 chuyển sang năm 2023	139.739.621	139.739.621	100%
4. Kinh phí cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang năm 2023	65.120.000	65.120.000	100%
5. Thu phí chứng thực tại địa phương	10.000.000	5.576.000	56%

II. Chi NSNN: (Đơn vị tính: Đồng)

Nội dung	Dự toán	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng chi	6.185.340.000	2.721.611.787	44%
1. Chi SN giáo dục:	50.000.000	3.129.000	6%
Hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng	25.000.000	0	0%
Kinh phí Đào tạo cán bộ	16.060.000	0	0%
Phụ cấp giám đốc, PGD:	8.940.000	3.129.000	35%
2. Chi SN thể dục - thể thao:	13.800.000	0	0%
3. Chi SN kinh tế:	36.300.000	0	0%
Định mức	36.300.000	0	0%
4. Chi SN xã hội:	20.800.000	0	0%
Hoạt động cứu trợ xã hội	20.800.000	0	0%
5. Chi SN phát thành:	10.000.000	0	0%
6. Chi SN môi trường:	20.000.000	0	0%
7. Chi sự nghiệp văn hoá:	84.300.000	25.000.000	30%
Chi hoạt động:	17.300.000	0	0%
Chi hỗ trợ hoạt động của khu dân cư	42.000.000	0	0%
Chi kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM”	25.000.000	25.000.000	100%

8. Chi công tác Quốc phòng:	822.295.000	297.798.394	36,22%
Chi nghiệp vụ chuyên môn	389.000.000	144.838.114	37%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	433.295.000	152.960.280	35%
9. Chi công tác an ninh:	430.889.000	157.243.000	36%
Chi nghiệp vụ chuyên môn	118.000.000	55.327.000	47%
Chi phụ cấp công an viên	217.339.000	101.916.000	47%
Hỗ trợ hàng tháng đội trưởng, đội phó Đội dân phòng theo NQ 73/2022/NQ-HĐND	95.550.000	0	0%
10. Chi ngân sách Đảng	507.000.000	229.617.204	45%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	442.000.000	229.617.204	52%
Chi hoạt động	65.000.000	0	0%
11. Chi ngân sách HĐND	444.644.000	188.037.464	42%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	234.644.000	137.347.464	59%
Chi hoạt động	210.000.000	50.690.000	24%
12. Chi ngân sách UBND	2.245.407.228	1.184.854.591	53%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	1.886.855.228	1.023.796.005	54%
Chi hoạt động	358.552.000	161.058.586	45%
13. Chi ngân sách Mặt trận	397.000.000	185.478.630	47%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	346.000.000	181.278.630	52%
Chi hoạt động	15.000.000	0	0%
Chi hoạt động khu dân cư	14.000.000	0	0%
Chi hoạt động Ban thanh tra nhân dân	5.000.000	0	0%
Chi hoạt động giám sát cộng đồng	10.000.000	4.200.000	42%
Chi hoạt động giám sát, phản biện xã hội	7.000.000	0	0%
14. Chi ngân sách Đoàn thanh niên	209.000.000	97.127.286	46%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	180.000.000	86.027.286	48%
Chi hoạt động	15.000.000	11.100.000	74%
Chi hoạt động chi đoàn	14.000.000	0	0%
15. Chi ngân sách Hội LHPN	206.000.000	109.203.262	53%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	177.000.000	96.203.262	54%
Chi hoạt động	15.000.000	6.000.000	40%
Chi hoạt động chi Hội	14.000.000	7.000.000	50%
16. Chi ngân sách Hội Nông dân	239.000.000	88.276.890	37%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	190.000.000	67.876.890	36%
Chi hoạt động	15.000.000	4.400.000	29%
Chi Đại hội	20.000.000	16.000.000	80%
Chi hoạt động chi Hội	14.000.000	0	0%
17. Chi ngân sách Hội cựu chiến binh	198.000.000	85.475.280	43%
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	169.000.000	85.475.280	51%
Chi hoạt động và kinh phí đại hội	15.000.000	0	0%
Chi hoạt động chi Hội	14.000.000	0	0%
18. Chi ngân sách Hội người cao tuổi	77.252.772	38.544.386	50%
Chi phụ cấp và các khoản đóng góp	61.028.772	30.514.386	50%
Kinh phí mừng thọ	16.224.000	8.030.000	49%
19. Chi ngân sách Hội chữ thập đỏ	22.528.000	11.264.400	50%
Chi phụ cấp và các khoản đóng góp	22.528.000	11.264.400	50%
20. Chi ngân sách hội khuyến học	8.000.000	0	0%
Chi hoạt động	8.000.000	0	0%
21. Chi phụ cấp khuyến nông, thú y xã	41.124.000	20.562.000	50%
Chi phụ cấp	41.124.000	20.562.000	50%
22. Chi dự phòng ngân sách	102.000.000	0	0%

PHẦN THỨ HAI
Kế hoạch nhiệm vụ 6 tháng cuối năm

I. Thu NSNN: (Đơn vị tính: Đồng)

Nội dung	Kế hoạch 6 tháng cuối năm	Ghi chú
Tổng thu	2.906.096.000	
1. Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên	2.901.672.000	
2. Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên	0	
3. Thu phí chứng thực tại địa phương	4.424.000	

II. Chi NSNN năm 2022: (Đơn vị tính: Đồng)

Nội dung	Kế hoạch 6 tháng cuối năm	Ghi chú
Tổng chi	3.463.728.213	
1. Chi SN giáo dục:	46.871.000	
Hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng	25.000.000	
Kinh phí Đào tạo cán bộ	16.060.000	
Phụ cấp giám đốc, PGĐ:	5.811.000	
2. Chi SN thể dục - thể thao:	13.800.000	
3. Chi SN kinh tế:	36.300.000	
Định mức	36.300.000	
4. Chi SN xã hội:	20.800.000	
Hoạt động cứu trợ xã hội	20.800.000	
5. Chi SN phát thành:	10.000.000	
6. Chi SN môi trường:	20.000.000	
7. Chi sự nghiệp văn hoá:	59.300.000	
Chi hoạt động:	17.300.000	
Chi hỗ trợ hoạt động của khu dân cư	42.000.000	
Chi kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM”	0	
8. Chi công tác Quốc phòng:	524.496.606	
Chi nghiệp vụ chuyên môn	244.161.886	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	280.334.720	
9. Chi công tác an ninh:	273.646.000	
Chi nghiệp vụ chuyên môn	62.673.000	
Chi phụ cấp công an viên	115.423.000	
Hỗ trợ hàng tháng đội trưởng, đội phó Đội dân phòng theo NQ 73/2022/NQ-HĐND	95.550.000	
10. Chi ngân sách Đảng	277.382.796	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	212.382.796	
Chi hoạt động	65.000.000	
12. Chi ngân sách HĐND	256.606.536	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	97.296.536	
Chi hoạt động	159.310.000	
13. Chi ngân sách UBND	1.060.552.637	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	863.059.223	
Chi hoạt động	197.493.414	
14. Chi ngân sách Mặt trận	211.521.370	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	164.721.370	
Chi hoạt động	15.000.000	

Chi hoạt động khu dân cư	14.000.000	
Chi hoạt động Ban thanh tra nhân dân	5.000.000	
Chi hoạt động giám sát cộng đồng	5.800.000	
Chi hoạt động giám sát, phản biện xã hội	7.000.000	
15. Chi ngân sách Đoàn thanh niên	111.872.714	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	93.972.714	
Chi hoạt động và kinh phí đại hội	3.900.000	
Chi hoạt động chi đoàn	14.000.000	
16. Chi ngân sách Hội LHPN	96.796.738	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	80.796.738	
Chi hoạt động	9.000.000	
Chi hoạt động chi Hội	7.000.000	
17. Chi ngân sách Hội Nông dân	150.723.110	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	122.123.110	
Chi hoạt động	10.600.000	
Chi Đại hội	4.000.000	
Chi hoạt động chi Hội	14.000.000	
15. Chi ngân sách Hội cựu chiến binh	112.524.720	
Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	83.524.720	
Chi hoạt động và kinh phí đại hội	15.000.000	
Chi hoạt động chi Hội	14.000.000	
16. Chi ngân sách Hội người cao tuổi	38.708.386	
Chi phụ cấp và các khoản đóng góp	30.514.386	
17. Chi ngân sách Hội chữ thập đỏ	11.263.600	
Chi phụ cấp và các khoản đóng góp	11.263.600	
18. Chi ngân sách hội khuyến học	8.000.000	
Chi hoạt động	8.000.000	
19. Chi phụ cấp khuyến nông, thú y xã	20.562.000	
Chi hoạt động	20.562.000	
20. Chi kinh phí dự phòng	102.000.000	
Chi công tác phòng, chống bảo lụt	42.000.000	
Chi công tác quân sự	60.000.000	

* Đánh giá tình hình thu, chi 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ thu, chi 06 cuối năm 2023:

1. Nhiệm vụ thu ngân sách xã:

- Thu bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu theo hướng dẫn của Kho bạc nhà nước.
- Thu tại địa phương đạt: 56%

2. Nhiệm vụ chi ngân sách: Chưa đạt theo dự toán được giao.

Nguyên nhân:

+ Một số ngành không chấp hành quy chế chi tiêu nội bộ: Thời gian thanh toán tạm ứng chậm, không chủ động lập kế hoạch rút kinh phí hoạt động của ngành mình.

+ Không thanh toán tạm ứng (Có trường hợp tạm ứng từ đầu năm nhưng đến nay vẫn chưa có chứng từ thanh toán).

3. Biện pháp thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm:

* Về nhiệm vụ thu ngân sách:

+ Tiếp tục thu phí chứng thực để đảm bảo thu đúng, thu đạt kế hoạch được giao.

* Nhiệm vụ chi ngân sách :

+ Bám sát Nghị quyết của HĐND xã về việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023.

+ Mọi hoạt động chi thường xuyên phải theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

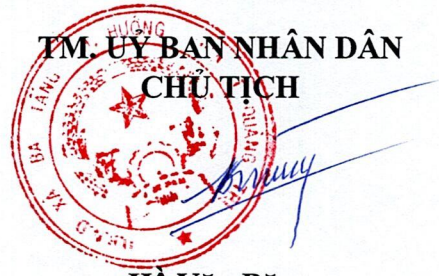
4. Kiến nghị:

- Ngành đoàn thể xã có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của chi hội, chi đoàn.

- Chủ động lập kế hoạch, Lập dự toán chi các hoạt động của ngành mình. Thời gian nhận chứng tư thanh toán tiền mặt chấm nhất vào 10/12/2023, do dịp cuối năm số lượng đơn vị truy cập, giao dịch trên trang dịch vụ công KBNN rất nhiều nên thường xuyên quá tải. Do vậy, các ngành nộp đầy đủ các kế hoạch, dự toán chi để kế toán đẩy các chứng tư lên trang dịch vụ công kịp thời.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các Ban ngành đoàn thể xã;
- Lưu VT.



Hồ Văn Băng